

Bản án số: **130/2023/DS-ST**

Ngày 09-8-2023

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phú Bình;

Bà Nguyễn Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về *Tranh chấp đòi tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2023/QĐXX-ST ngày 30/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180 ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai X, sinh năm 1949.

ĐKNKTT: Số 02, ngõ 135, phố N, phường K, quận B, Hà Nội.

Bị đơn: Ông Vũ T, sinh năm 1947.

ĐKNKTT: Số 15, ngõ 44, phố N, phường X, quận Đ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai X trình bày:

Ông Vũ T và ông Mai X có quan hệ quen biết, ông T biết ông X có nhu cầu đổi chỗ ở mới nên nói sẽ nhượng lại nhà đất của ông T cho ông X. Ông T dẫn ông X đi xem nhưng đó chỉ là một lô đất đang xây dựng tại địa chỉ Ô 56 thuộc Dự án hồ A, phường Y, quận T, do tin tưởng ông T nên ông X đã đồng ý mua. Hai bên đã ký thỏa thuận mua nhà, giá mua nhà là 70,59 cây vàng 9999, ông X đã giao cho ông T đủ số tiền vàng, giao làm 5 lần và có giấy giao nhận có chữ ký của ông T. Đến ngày 18/9/2001 là lần giao nhận thứ 5 ông T ghi trong giấy nhận “Từ thời

điểm này chú X bắt buộc đóng cọc. Khi đóng cọc báo chú X biết để giám sát nếu có thể sẽ thay đổi thiết kế mặt bằng thì chú X có ý kiến”. Nhưng bản sửa thiết kế do ông X yêu cầu và thời gian đóng cọc cũng không được ông T báo, do ông X không có tin gì từ ông T nên đã tự đến xem lại chỗ đất mà ông T chỉ lần trước thì thấy người khác đã đổ xong móng nhà. Sau đó ông X cùng ông T lên xem lại đất thì ông T nói: “Anh không thực hiện được thỏa thuận với chú về các điều kiện nhượng nhà đất, anh trả lại tiền, vàng cho chú”. Ông X đồng ý, một thời gian sau ông T trả lại cho ông X 178.000.000 đồng. Sau đó nhiều lần ông X đến nhà đòi, ông T đều khát nợ. Do ông X đòi gắt gao nên đến ngày 29/02/2004 ông T đã tự thảo “Biên bản thanh toán về chuyển nhượng đất...” Theo đó tỷ giá quy đổi không đúng tỷ giá quy đổi tiền đồng sang vàng 9999 tại hai thời điểm ông T thanh toán tiền đồng quy sang vàng. Ông X nói với ông T nếu tính theo giá quy đổi từ tiền đồng sang vàng tại thời điểm trả đợt 1 tỷ giá quy đổi tiền đồng ra vàng 9999 là 5.870.000 đồng/cây, ông T sẽ phải trả chênh lệch khoảng 5 cây nữa, nếu ông T thu xếp trả nợ sớm thì ông X sẽ không tính thiệt hơn. Cụ thể: Tại thời điểm ngày 21/5/2002 ông T trả 158.000.000 đồng, giá quy đổi 587.000 đồng/1 chỉ vàng, giấy ông X nhận tiền đồng đã quy sang vàng là 26,91 cây (giấy do ông T giữ). Thời gian sau ông T trả tiếp 20.000.000 đồng, ông T đã giữ giấy biên nhận nên ông X không nhớ tỷ giá quy đổi của số tiền này sang vàng, nhưng xu hướng vàng luôn tăng liên tục. Vì vậy số tiền ông T đã trả ghi trong bản thanh toán là 178.000.000 đồng quy ra vàng là 35,1 cây có sự sai sót về tỷ giá quy đổi, không tính đến tỷ giá tăng thời điểm trả 20.000.000 đồng tiếp theo mà chỉ tính theo tỷ giá quy đổi thời điểm trả tiền lần 1 thì số vàng đã trả chỉ là 178.000.000 đồng : 587.000 đồng/1 chỉ = 30,32 cây. Như vậy so với biên bản ghi nợ chênh lệch là 4,78 cây (35,1 cây - 30,32 cây).

Tại biên bản thanh toán ông T đã ký nhận và hứa trả nợ sớm. Do anh em quen nhau ông X đã tin và mong ông T trả nợ như đã cam kết nên ông X đã nói rõ với ông T về việc tính quy đổi không đúng như trên ngay lúc xem và ký biên bản. Biên bản đã ghi số vàng 9999 ông T đã trả 35,1 cây, còn nợ ông X là 35,49 cây và ông T cam kết phương án trả nợ:

1- Gia đình ông T thống nhất bán ngôi nhà số 15, ngõ 44, phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để trả cho ông X một lần số nợ trên ngay sau khi bán nhà, bắt đầu từ ngày 29/02/2004.

2- Ông T trả dần từng đợt bằng vàng 9999, hạn chậm nhất ngày 31/12/2004 sẽ trả hết.

Từ sau ngày 01/01/2005, ông T mới trả cho ông X 2.000 USD Mỹ, quy ra vàng 9999 là trên 2 cây. Ông T giữ giấy biên nhận nên ông X không nhớ ngày tháng và cụ thể số vàng được quy đổi là hai cây mấy. Sau đó ông X liên tục đòi nợ nhưng ông T không trả. Ngày 08/8/2011, ông X đã viết đơn tố cáo ông T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Công an quận Đống Đa và nhận được Thông báo kết quả giải quyết đơn thư số 195 ngày 05/10/2011 với nội dung: “Do ông T không có mặt ở nhà, Cơ quan cảnh sát điều tra không triệu tập để làm rõ hành vi lừa đảo của ông T như đơn tố cáo. Việc mua bán nhà giữa ông X và ông T là quan hệ dân sự, do ông T không trả lại hết số tiền mà ông X đưa đã dẫn đến tranh chấp. Đề nghị ông gửi đơn đến Tòa án nhân dân các cấp để giải quyết”. Sau khi nhận được thông báo của Công an, ông X nhiều lần đến nhà nhưng không gặp ông T, có lần ông T điện thoại khát nợ, có lần ông X tìm gặp được ông T nhưng mới nói được vài câu ông T đã đẩy ngã ông X rồi lên xe chạy trốn. Sau đó thì ông X không liên lạc được với ông T nữa. Ông X tiếp tục làm đơn tố cáo ông T tới Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và được hai cơ quan thông báo đã chuyển đơn về Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa và Công an quận Đống Đa giải quyết. Ngày 30/10/2021 ông X được Công an quận Đống Đa thông báo: “Đề nghị ông X gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội để được giải quyết theo thẩm quyền”.

Sự việc ông T khát nợ, lẩn trốn thời gian dài không trả nợ làm ông X ảnh hưởng tâm lý hao tổn sức khỏe, mất nhiều thời gian, chi phí đi tìm để đòi nợ nhiều năm. Vì vậy ông X đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông X số tiền cụ thể như sau:

1- Số vàng 9999 còn nợ theo biên bản thanh toán là 35,49 cây, tỷ giá quy đổi từ vàng 9999 sang tiền đồng tại thời điểm ngày 10/7/2023 là 67.050.000 đồng/1 cây x 35,49 cây = 2.379.604.500 đồng. Trừ đi số tiền ông T đã trả sau khi lập biên bản thanh toán là 2.000 USD Mỹ, theo tỷ giá bán ra ngày 10/7/2023 là 23.410 đồng/1 USD x 2.000 USD = 46.820.000 đồng.

2- Trả số vàng chênh lệch do biên bản nhận nợ tính sai tỷ giá như đã trình bày ở trên là 4,78 cây x 67.050.000 đồng/1 cây = 320.499.000 đồng.

3- Bồi thường tổn hại sức khỏe tinh thần, thời gian đi tìm để đòi nợ ảnh hưởng đến công việc và thu nhập, hao phí xăng xe, chi phí đi lại tính từ năm 2008 đến năm 2019 là 11 năm, mỗi năm là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền (đã được quy đổi) là 2.708.283.500 đồng.

Bị đơn ông Vũ T đã được tổng đạt niêm yết triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo triệu tập. Tòa án đã đến nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của ông T để xác minh, theo cung cấp của địa phương ông T vẫn lĩnh lương hưu và các chế độ của người cao tuổi tại địa chỉ đăng ký thường trú nhưng đã nhiều năm không thường xuyên sinh sống tại đây nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ T phải trả cho ông Mai X số tiền cụ thể là:

1- Số vàng 9999 còn nợ theo biên bản thanh toán là 35,49 cây, tỷ giá quy đổi từ vàng 9999 sang tiền đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2023 là 67.350.000 đồng/1 cây x 35,49 cây = 2.390.251.500 đồng. Trừ đi số tiền ông T đã trả sau khi lập biên bản thanh toán là 2.000 USD Mỹ, theo tỷ giá bán ra ngày 09/8/2023 là 23.540 đồng/1 USD x 2.000 USD = 47.080.000 đồng.

2- Trả số vàng chênh lệch do biên bản nhận nợ tính sai tỷ giá là 4,78 cây x 67.350.000 đồng/1 cây = 321.933.000 đồng.

3- Bồi thường tổn hại sức khỏe tinh thần, thời gian đi tìm để đòi nợ ảnh hưởng đến công việc và thu nhập, hao phí xăng xe, chi phí đi lại tính từ năm 2008 đến năm 2019 là 11 năm, mỗi năm là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông X yêu cầu ông T phải trả là 2.720.104.500 đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai X, buộc ông Vũ T phải trả cho ông X số vàng 9999 là 35,49 cây (theo tỷ giá quy đổi từ vàng 9999 sang tiền đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm) trừ đi 2.000 USD ông T đã trả cho ông X sau thời gian ký biên nhận nợ (theo tỷ giá quy đổi từ USD sang tiền đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm). Không chấp nhận yêu cầu của ông X yêu cầu ông T phải trả số vàng chênh

lệch do biên bản nhận nợ tính sai tỷ giá là 4,78 cây và tiền bồi thường tổn hại sức khỏe tinh thần, thời gian đi tìm, chi phí đi lại để đòi nợ là 55.000.000 đồng. Ông Mai X, ông Vũ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp đòi tài sản. Bị đơn ông Vũ T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại số 15, ngõ 44, phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ông Vũ T đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Vũ T.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

** Xét yêu cầu của ông Mai X yêu cầu ông Vũ T phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy:*

Ông Mai X khởi kiện ông Vũ T yêu cầu ông T phải trả lại cho ông X số tiền vàng ông X đã đưa cho ông T để mua nhà đất của ông T. Ông X cung cấp cho Tòa án Biên bản thanh toán về việc chuyển nhượng ô đất số 56 của Công ty IDC thuộc dự án hồ An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ vào ngày 29/02/2004 có ghi nội dung: “Ngày 30/6/2001 (đợt 1) ông X đã giao cho ông T 7.000 USD Mỹ, quy ra vàng là 21,62 cây. Ngày 17/7/2001 (đợt 2) ông X giao cho ông T 10 cây vàng 9999. Ngày 31/7/2001 (đợt 3) ông X đã giao cho ông T 3.500 USD Mỹ, quy ra vàng là 10,97 cây. Ngày 01/9/2001 (đợt 4) ông X giao cho ông T 10 cây vàng 9999. Ngày 18/9/2001 (đợt 5) ông X đã giao cho ông T 90.000.000 đồng, quy ra vàng là 18 cây. Tổng cộng đã giao 70,59 cây. Tổng số tiền, vàng, đô la tại thời điểm đó quy ra = 345.000.000 đồng Việt Nam. Ông X đã nhận 02 đợt tiền của ông T trả lại như sau: Tổng số đã trả 178.000.000 đồng, quy ra vàng 9999 là 35,1 cây. Như vậy ông T còn nợ ông X là 70,59 cây – 35,1 cây = 35,49 cây”. Biên bản thanh toán trên có chữ ký và ghi họ tên của ông Mai X, ông Vũ T.

Ông Vũ T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ nhưng ông T không có ý kiến, quan điểm gì đối với những chứng cứ ông X cung cấp và việc khởi kiện của ông X, như vậy ông T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Theo biên bản thanh toán có xác nhận của ông T thể hiện có việc mua bán nhà đất giữa ông T và ông X nhưng không thành, ông X đã giao tiền vàng cho ông T, tổng số tiền vàng (đã quy đổi) ông X đã giao là 70,59 cây nhưng ông T mới chỉ trả lại cho ông X 178.000.000 đồng (quy đổi ra vàng 9999 là 35,1 cây), còn nợ lại là 35,49 cây; giá vàng 9999 bán ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2023 là 67.350.000 đồng/1 cây, tương đương số tiền Việt Nam đồng là 2.390.251.500 đồng. Sau khi ký biên bản thanh toán, ông T có trả cho ông X số tiền 2.000 USD, giá USD tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2023 là 23.540 đồng/1USD, tương đương số tiền Việt Nam đồng là 47.080.000 đồng. Việc ông T trả 2.000 USD ông X không giữ giấy biên nhận, ngoài lời trình bày của ông X không có tài liệu nào khác chứng minh ông T đã trả 2.000 USD nhưng xét lời trình bày này có lợi cho bị đơn ông T nên chấp nhận. Vì vậy ông X khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền còn lại là 2.343.171.500 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

** Xét yêu cầu của ông X yêu cầu ông T phải trả số vàng chênh lệch do biên bản nhận nợ tính sai tỷ giá là 4,78 cây, Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo trình bày của ông X, tại thời điểm ông T lập biên bản thanh toán, ông X và ông T đã biết việc quy đổi tỷ giá vàng không đúng nhưng do ông T hứa trả nợ sớm nên ông X vẫn ký vào biên bản. Ông T có trả cho ông X số tiền 178.000.000 đồng (chia làm 2 đợt trả) nhưng ông T giữ biên nhận nên ông X không có tài liệu để xuất trình cho Tòa án, ông X nhớ ông T trả đợt 1 số tiền 158.000.000 đồng là ngày 04/5/2002, còn ngày trả 20.000.000 đồng ông X không nhớ. Ngoài lời trình bày của ông X, không có tài liệu nào khác thể hiện về thời gian ông T trả số tiền 178.000.000 đồng để tính giá trị quy đổi chính xác, ngoài ra ông X và ông T đã ký xác nhận số nợ còn lại là 35,49 cây nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông X buộc ông T phải trả số vàng chênh lệch do tính sai tỷ giá là 4,78 cây x 67.350.000 đồng/1 cây = 321.933.000 đồng.

** Về yêu cầu của ông X yêu cầu ông T bồi thường tổn hại sức khỏe tinh thần, thời gian đi tìm, chi phí đi lại để đòi nợ tính từ năm 2008 đến năm 2019 là 11 năm, mỗi năm là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:* Ngoài đơn giải trình nộp cho Tòa án vào ngày 29/6/2023, ông X không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông X đối với ông T.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn ông Mai X, bị đơn ông Vũ T thuộc trường hợp được miễn không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 302, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai X đối với ông Vũ T. Buộc ông Vũ T phải trả cho ông Mai X số tiền 2.343.171.500 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu một trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mai X về việc yêu cầu ông Vũ T phải trả số vàng chênh lệch do tính sai tỷ giá là 4,78 cây, tương đương số tiền Việt Nam đồng là 321.933.000 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mai X về việc yêu cầu ông Vũ T phải bồi thường tổn hại sức khỏe tinh thần, chi phí đi lại để đòi nợ là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Mai X, bị đơn ông Vũ T thuộc trường hợp được miễn không phải nộp tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Q.Đống Đa, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Q.Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng .

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy